

Số: 07/2021/V11-CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần xây dựng số 11 năm 2020



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ: **83.998.890.000**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **83.998.890.000**
- Địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6-Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính-Thanh Xuân- Hà Nội.
- Số điện thoại: **024 62853101**
- Số fax: **024 62853100**
- Website: **vinaconex11.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): V11

Quá trình hình thành và phát triển:

+) Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng số 11 tiền thân là Xí nghiệp bê tông đúc sẵn Hải Hưng được thành lập theo Quyết định số 23 QĐ/UB ngày 25/01/1973 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng. Trụ sở Công ty tại 960 Lê Thanh Nghị- Hải Tân- Thành phố Hải Dương- Tỉnh Hải Dương.

Tháng 12 năm 1984, Xí nghiệp bê tông đúc sẵn Hải Hưng đổi tên thành Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Hưng.

Ngày 18 tháng 9 năm 1992, Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Hưng đổi tên thành Nhà máy bê tông Hải Hưng theo Quyết định số 736 QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng.

Ngày 12 tháng 3 năm 1996, Nhà máy bê tông Hải Hưng đổi tên thành Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng theo Quyết định số 616 QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng.

Ngày 23 tháng 10 năm 1996, Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng (thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng) được tiếp nhận làm thành viên Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và đổi tên thành Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 theo Quyết định số 925/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+) Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 09 tháng 5 năm 2002, Bộ Xây dựng ban hành văn bản số 682/BXD-TCLĐ thông báo danh sách các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng tiến hành chuyển đổi hình thức sở hữu đợt 2 năm 2002, trong đó có Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11

Ngày 04 tháng 3 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 200/QĐ-BXD phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11.

Ngày 02 tháng 4 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 377/QĐ/BXD về việc chuyển Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 thành Công ty cổ phần xây dựng số 11.

Ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2003 tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần xây dựng số 11.

Khi cổ phần hóa, vốn điều lệ của doanh nghiệp là 5.100.000.000 (năm tỷ một trăm triệu) đồng.

Ngày 10/4/2004, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 5,1 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

Ngày 28/4/2006, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

Ngày 15/3/2007, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.

Ngày 28/3/2007, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Ngày 25/4/2008, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

+) Niêm yết:

Ngày 25/4/2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết về việc đưa cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 lên giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã thông qua hồ sơ và đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 03/12/2008 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu (số 53/GCN-TTGDHN).

- Ngày 15/12/2008, cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã: **V11**.

- Chuyển đổi mô hình quản lý:

Ngày 25/4/2008 Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua phương án thành lập Công ty Mẹ - Công ty con.

Ngày 21/4/2009, thành lập Công ty cổ phần xây dựng Vinaconex 11.1. Hoạt động chính thức từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Ngày 16/1/2013, cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Các sự kiện khác:

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên, trong quá trình trưởng thành và phát triển, Công ty cổ phần xây dựng số 11 đã đạt được những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, vinh dự được Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu:

- Năm 2003: Được Bộ Xây dựng tặng “Cờ thi đua xuất sắc”, được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu “Giám đốc giỏi”, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

- Năm 2004: Được Bộ Xây dựng tặng “Cờ thi đua xuất sắc” và Bằng khen, “Cờ thi đua Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam”. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu “Giám đốc giỏi”, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

- Năm 2005: Được Bộ Xây dựng tặng Bằng khen

- Năm 2006: Được tặng Bằng khen của Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam và Giấy khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Xây dựng, Giám đốc giỏi, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

Ngày 30/6/2006 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ Km 47, Quốc lộ 5A, Thôn Cẩm Khê, Xã Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Năm 2007: Được tặng Bằng khen của Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Xây dựng, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng

- Năm 2008: Được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng nhì”. Giám đốc Công ty được tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng ba”.

- Năm 2009: Ngày 15/01/2009 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ B59 tổ 58 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Năm 2010: Ngày 05/08/2010 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ N8A2 Phố Nguyễn Thị Thập, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Năm 2011: ngày 25/7/2011 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Vinaconex, Khu đô thị Trung Hòa, nhân Chính, Thanh Xuân, hà Nội.

- Năm 2012: Ngày 18/9/2012 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ: Tầng 1, Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, nhân Chính, Thanh Xuân, hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Khi mới thành lập, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của xí nghiệp là chuyên sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn để phục vụ thủy lợi hóa nông nghiệp tỉnh Hải Hưng, quy mô sản xuất của xí nghiệp là 10.000 m³/năm.

Chuyển từ giai đoạn cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường, tháng 12/1984 nhà máy bước đầu áp dụng hình thức khoán doanh số. Năm 1985, nhà máy được xếp doanh nghiệp hạng II.

Tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 21/4/1990, nhà máy tổ chức sắp xếp lại lao động, xác định lại phương hướng sản xuất.

Định hướng chiến lược những năm tiếp theo là sản xuất vật liệu xây dựng, liên doanh, liên kết mở thêm ngành nghề xây lắp. Cơ chế thị trường có tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp năng lực yếu tại các địa phương chịu sự thử thách quyết liệt, nhưng công ty đã từng bước khắc phục khó khăn và phát triển. Năm 1996, ngành, nghề kinh doanh của công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng; xây dựng công trình thủy lợi và giao thông quy mô vừa và nhỏ; xây dựng lưới điện đến 35KV; xây dựng công trình cấp thoát nước và nhà máy nước; nhận thầu thi công xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp, công trình thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KVA; đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư máy móc, thiết bị; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.

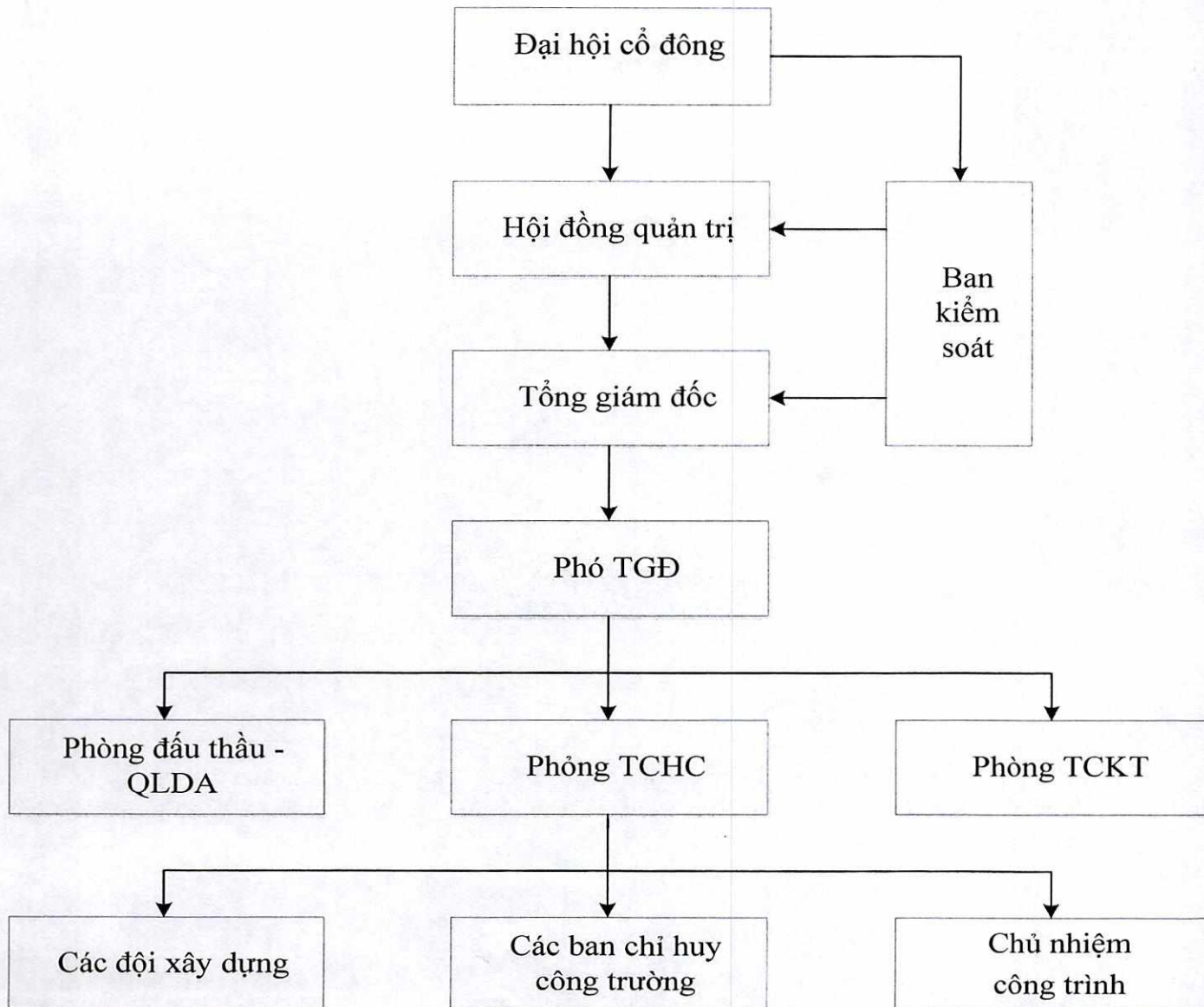
Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng số 11 là:

- Xây lắp các công trình dân dụng;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty liên kết:

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Vinaconex	Tòa nhà 34 Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội	Xây dựng, xuất nhập khẩu	25.500	30,36

4. Định hướng phát triển.

+) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Từng bước đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.
- Đẩy nhanh quá trình thanh quyết toán và tìm kiếm các dự án, công trình mới
- Đạt lợi nhuận, có cổ tức và tăng thu nhập bình quân cho người lao động.

+) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phát triển bền vững, thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của Công ty::

- Chủ đầu tư chậm thanh toán.
- Môi trường kinh doanh không thuận lợi.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% so với kế hoạch	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu	Tỷ đồng	0,119	-2,500	-2200,84	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-15,105	-14,722	+2,54	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-15,105	-14,722	+2,54	
Mức cổ tức	%/năm		0	0	0
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	6.0	6.0	100	6.0

Năm 2020 Công ty thua lỗ lớn, chủ yếu do các nguyên nhân chính sau:

- + Công ty lỡ nên không tham gia đấu thầu tìm kiếm công việc mới
- + Chi phí tài chính lớn (8,606 tỷ đồng).
- + Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt nợ BHXH quá lớn.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thay đổi tỷ lệ trong năm 2020
1	Đặng Văn Hiếu	Tổng giám đốc	12.532	0,25	
2	Trần Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	00	00	

3	Trịnh Quốc Hiệp	TP. Đầu tư và QLDA	00	00	
4	Nguyễn Quang Hưng	PTP. Đầu tư và QLDA	00	00	
5	Vũ Thanh Bình	PTP. Tổ chức hành chính	00	00	

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2021: 3.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	276.606.237.593	256.147.993.100	
Doanh thu thuần	3.401.457.835	(2.500.491.795)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.522.529.723)	(16.521.347.683)	
Lợi nhuận khác	(1.497.303.152)	1.799.780.499	
Lợi nhuận trước thuế	(12.019.832.875)	(14.721.567.184)	
Lợi nhuận sau thuế	(12.019.832.875)	(14.721.567.184)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,26	0,20
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,26	0,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,98	0,92
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,57	(11,78)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,15	2,80
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,01	(0,98)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(353)	589
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(2411)	68
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(4,30)	(6,00)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(3,09)	6,61

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông: 8.399.889 cổ phiếu
- Cổ phiếu khác: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty CP XNK & XD Việt Nam	2.550.000	25.500.000.000	30,36
2	Bà Đoàn Thu Thủy	1.675.000	16.750.000.000	19,94
3	Các cổ đông khác	4.174.889	41.748.890.000	49,70

c) Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có

e) Cổ tức:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020: 0%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong năm 2020, Công ty cổ phần xây dựng số 11 chủ yếu tập trung hoàn thiện hồ sơ, đẩy nhanh công tác thanh quyết toán các công trình.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2020 (triệu đồng)	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Sản lượng			
2	Doanh thu	0,119	-2,500	-2100,84
3	Lợi nhuận	-15,105	-14,722	103

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

+ Nợ phải thu khách hàng:

Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2020 là 30,435 tỷ đồng. Các khoản nợ ứ đọng lâu ngày, ở các địa phương nhỏ lẻ, chủ đầu tư đã thay đổi nhiều lần dẫn tới việc đối chiếu và thu hồi gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng tới dòng tiền của Công ty.

+ Hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2020, tồn kho trên sổ sách của Công ty là 40 triệu đồng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là 201,905 tỷ đồng. Thời gian qua, Công ty đã tích cực rà soát, làm rõ số liệu với các đội thi công từ đó có cơ sở cắt giảm các khoản chi phí vượt, không hợp lý.

+ Tạm ứng đội:

Số dư tạm ứng đội cuối năm 2020 là 25,212 tỷ đồng, phần lớn không đối chiếu được do các đội trưởng, chủ nhiệm công trình đã nghỉ từ lâu. Trong năm Công ty đã có nhiều liên hệ với các đội nhằm làm rõ số liệu trên, tuy nhiên vẫn chưa đạt được nhiều kết quả. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục làm việc để xử lý dứt điểm tình trạng trên.

b) Tình hình nợ phải trả:

+ Nợ Ngân hàng:

Tính đến 31/12/2020, Công ty đang nợ gốc Ngân hàng 67,8 tỷ đồng, các khoản nợ đều đã quá hạn lâu ngày, bị xếp vào nợ xấu nhóm 5, gây rất nhiều khó khăn cho Công ty trong việc huy động vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời làm gia tăng chi phí tài chính của Công ty do phải chịu thêm lãi phạt từ 130% đến 150% lãi trong hạn.

+ Nợ thuế:

Công ty đang nợ tiền thuế 32,494 tỷ đồng. Do số tiền nợ thuế lớn và kéo dài, Cục thuế TP Hà Nội vẫn tiếp tục áp dụng cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty.

+ Nợ BHXH:

Tính đến 31/12/2020, Công ty đang nợ tiền BHXH số tiền 180 triệu đồng.

+ Nợ phải trả người bán:

Do tồn tại của công tác quản trị cũ để lại, Công ty hạch toán toàn bộ khoản chi phí đội tập hợp dẫn đến công nợ phải trả được ghi nhận chưa phù hợp với thực tế. Tại thời điểm 31/12/2020, nợ còn phải trả người bán của Công ty là 61,482 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Các hoạt động sản xuất kinh doanh được quản lý, điều hành bằng việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong công tác tổ chức - bộ máy, Công ty đã triển khai biện pháp tổ chức điều hành là: “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, thông qua việc bổ nhiệm các cán bộ có năng lực thực sự nắm giữ các vị trí quan trọng, qua đó phát huy được sức mạnh tập thể của các cán bộ chủ chốt đồng thời thể hiện tính trách nhiệm của từng cá nhân trong Ban điều hành.

Các biện pháp kiểm soát: Ban giám đốc kết hợp với các phòng ban trực tiếp và thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các đơn vị thi công trong công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán công trình. Tuy nhiên công tác này còn chưa đạt yêu cầu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

“THƯ GIẢI TRÌNH

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty Ông/Bà về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 nhằm mục đích đưa ra kết luận về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán số 122501/2020/HĐKT-iCPA ngày 25/12/2020, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên báo cáo tài chính.
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính.
- (5) Chúng tôi xác nhận rằng Công ty đã không sử dụng bất kỳ luật sư nào trong năm cho bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào (hoặc mô tả dịch vụ luật sư có sử dụng).
- (6) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại mục VII.2 Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam đều đã được điều chỉnh và thuyết minh.

[hoặc: Chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam].

- (8) Chúng tôi cũng xem xét tổng ảnh hưởng của các sai sót không điều chỉnh phát hiện trong quá trình kiểm toán và tin rằng các sai sót này là không trọng yếu, xét riêng lẻ hay tổng hợp lại đến báo cáo tài chính đã lập. Báo cáo tài chính kèm theo được phê duyệt bởi ban lãnh đạo vào ngày
- (9) Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.
- (10) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính.
- (11) Những vấn đề sau đây đã được ghi nhận một cách đúng đắn, hoặc đã được nêu rõ trong báo cáo tài chính (hoặc không phát sinh các vấn đề sau):
 - Các thoả thuận với các tổ chức tài chính liên quan tới bù trừ các số dư, hoặc các thoả thuận liên quan tới hạn chế số dư tiền mặt và cung cấp tín dụng, hoặc các thoả thuận tương tự khác;
 - Các thoả thuận cam kết mua lại tài sản đã bán trước đó;
 - Hợp đồng quyền lựa chọn hoặc thoả thuận mua lại cổ phiếu, hoặc cổ phiếu được dành riêng cho việc thực hiện quyền lựa chọn, đảm bảo, chuyển đổi, hoặc việc thực hiện các cam kết khác;
 - Những thay đổi trong nguyên tắc kế toán có tác động tới tính nhất quán của số liệu.
- (12) Dự phòng cho các khoản sau là không cần thiết (hoặc – các khoản dự phòng cần thiết đã được lập):
 - Chi phí phải gánh chịu khi hoàn tất, hoặc khi không thể hoàn tất một cam kết bán hàng;
 - Chi phí phải gánh chịu do cam kết mua hàng với khối lượng nhiều hơn yêu cầu thông thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc giảm giá hàng tồn kho thừa hoặc lỗi thời tới giá trị thực hiện ròng;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc giảm không mang tính tạm thời của giá trị vốn đầu tư;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc dự phòng những khoản nợ khó đòi.
- (13) Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thoả thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.
- (14) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông/Bà:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - Các Biên bản họp, các Nghị quyết của đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc.
- (15) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- (16) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (17) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; những nhân viên có vai trò quan trọng

trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

- (18) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (19) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (20) Chúng tôi đã công bố cho Ông/Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (21) Hiện tại, ngoài sự kiện như đã thuyết minh trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong Báo cáo tài chính.
- (22) Các báo cáo tài chính đã thuyết minh tất cả các vấn đề mà chúng tôi biết có liên quan đến khả năng hoạt động theo nguyên tắc hoạt động liên tục.
- (23) Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả các bút toán điều chỉnh mà Quý vị đề nghị và xác nhận chúng tôi chấp nhận các bút toán điều chỉnh này.
Trân trọng!”

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có năm (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: một (01) thành viên.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Họ và tên: Đỗ Công Hiến

Chức vụ: **Thành viên hội đồng quản trị - Chủ tịch hội đồng** (Bổ nhiệm ngày 26/7/2019)

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/2/1971

Nơi sinh: Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Quê quán: Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 22 ngõ 151B, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - Đường Thủy

2. Họ và tên: Đặng Văn Hiếu

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/5/1971

Nơi sinh: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên

Quê quán: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên.
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

3. Họ và tên: **Trần Ngọc Sơn**

Chức vụ: **Thành viên hội đồng quản trị**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1984

Nơi sinh: Phù Cừ - Hưng Yên

Quê quán: Phù Cừ - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Vương, H. Tiên Lữ, T. Hưng Yên

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thay đổi tỷ lệ trong năm 2020
1	Đỗ Công Hiến	Chủ tịch HĐQT	2.550.000	30.36	0
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Đặng Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	12.532	0,25	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, có sự tham gia của Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty, tất cả các cuộc họp được ghi vào sổ biên bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty và đúng định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tuy nhiên, năm 2018 là năm tiếp tục bị ảnh hưởng rất lớn và sự tác động tiêu cực của nền kinh tế nói chung, nên Hội đồng quản trị không thể lường trước được những thách thức đó, đặc biệt là sự tiếp cận nguồn vốn rất khó khăn do chính sách tài chính-tiền tệ thắt chặt dẫn đến một số quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của Hội đồng quản trị chưa đạt được như mong muốn.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Ngày tháng	Số văn bản	Nội dung
1	14/01/2020	09/V11-NQ-HĐQT	Phê duyệt mức giá sàn chào bán thanh lý tài sản
2	16/01/2020	13/V11 - NQ - HĐQT	Phê duyệt giá trúng thầu bán thanh lý tài sản
3	25/02/2020	47/2020/V11 - NQ - HĐQT	NQ về công tác ĐHCĐ thường niên năm 2020

4	13/5/2020	69/2020/V11 - NQ - HĐQT	Điều chỉnh lần 1 thời gian ĐHCĐ thường niên năm 2020 (do ảnh hưởng của dịch COVID-19)
5	21/5/2020	72/2020/V11 - NQ - HĐQT	Điều chỉnh lần 2 thời gian ĐHCĐ thường niên năm 2020 (do ảnh hưởng của dịch COVID-19)
6	26/6/2020	87/2020/V11 - NQ - HĐQT	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2020

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm. Thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát độc lập không điều hành: ba (03) thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Họ và tên: **Vũ Văn Mạnh**

Chức vụ: **Trưởng ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 6/11/1972

Nơi sinh: Quang Trung, Kinh Môn, Hải Dương

Quê quán: Quang Trung, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 71 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thái Hà**

Chức vụ: **Thành viên ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/10/1978

Nơi sinh: Thường Tín, Hà Tây (nay là Hà Nội)

Quê quán: Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: SN 15, 53/70 ngõ Mai Hương, Tôn Đức Thắng, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Ngân hàng

3. Họ và tên: **Trịnh Quốc Hiệp**

Chức vụ: **Thành viên ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1982

Nơi sinh: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Quê quán: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành;

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ;

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông

- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính

- Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán viên đưa ra;

- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, quy chế của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 0 đồng (Không đồng)

Ban giám đốc: 0 đồng (Không đồng).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2020 không xảy ra các giao dịch cổ phiếu và các giao dịch khác có liên quan của những đối tượng trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

VI. Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021 từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Về tính đầy đủ, chính xác, quyền thu và nghĩa vụ phải trả đối với các khoản công nợ

Chúng tôi không nhận được thư trả lời yêu cầu xác nhận số dư tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020 đối với các khoản mục sau đây :

STT	Khoản mục	Mã số	Số dư tại 01/01/2020	Số dư tại 31/12/2020
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	51.762.014.057	30.435.596.526
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	362.694.000	362.694.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	35.861.623.955	35.860.916.015
4	Phải trả người bán ngắn hạn	311	63.854.749.437	61.482.463.049
5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.090.197.370	670.092.633
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	106.821.769.647	113.479.616.155

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính đầy đủ, chính xác, quyền và nghĩa vụ phải trả đối với các khoản công nợ trên. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả, dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính hay không.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện kiểm kê và đánh giá số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đang trình bày tại khoản mục “Tài sản dở dang dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 201.905.053.559 đồng (ngày 01/01/2020 là 202.017.724.191 đồng). Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu và phù hợp của khoản mục “Tài sản dở dang dài hạn” tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 đang trình bày trên Báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 223.649.283.332 đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 tiếp tục bị lỗ dẫn đến tại ngày 31/12/2020 số lỗ lũy kế là âm 147.262.979.119 đồng và vốn chủ sở hữu bị âm với số tiền là 21.744.227.773 đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần xây dựng số 11 đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng số 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán Hãng kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 03 năm 2020.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.242.939.541	74.588.513.402
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.504.493.929	522.942.319
1. Tiền	111		1.504.493.929	522.942.319
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.585.754.989	73.912.880.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30.435.596.526	51.762.014.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	362.694.000	362.694.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	35.860.916.015	35.861.623.955
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(14.310.369.182)	(14.310.369.182)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		236.917.630	236.917.630
III. Hàng tồn kho	140	V.6	-	-
1. Hàng tồn kho	141		40.190.611	40.190.611
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.190.611)	(40.190.611)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		152.690.623	152.690.623
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	152.690.623	152.690.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.905.053.559	202.017.724.191
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	10.576.063.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(10.576.063.909)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		201.905.053.559	202.017.724.191
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.7	201.905.053.559	202.017.724.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.147.993.100	276.606.237.593

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.892.220.873	283.628.898.182
I. Nợ ngắn hạn	310		277.892.220.873	283.628.898.182
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	61.482.463.049	63.854.749.437
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	670.092.633	1.090.197.370
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	32.494.717.407	34.510.500.684
4. Phải trả người lao động	314		1.518.812.540	1.764.647.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	222.116.810	2.006.062.763
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	113.479.616.155	106.821.769.647
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	67.879.760.788	73.436.328.833
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		144.641.491	144.641.491
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(21.744.227.773)	(7.022.660.589)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(21.744.227.773)	(7.022.660.589)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.998.890.000	83.998.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.998.890.000	83.998.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.426.417.500	23.426.417.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.093.443.846	18.093.443.846
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(147.262.979.119)	(132.541.411.935)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(132.541.411.935)	(120.521.579.060)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.721.567.184)	(12.019.832.875)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.147.993.100	276.606.237.593

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	(2.500.491.795)	3.401.457.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		(2.500.491.795)	3.401.457.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.670.632	3.401.457.835
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.613.162.427)	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	640.873	2.063.189
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.606.490.524	8.034.924.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.606.490.524	8.034.924.046
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.302.335.605	2.489.668.866
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.521.347.683)	(10.522.529.723)
10. Thu nhập khác	31	VI.6	3.286.365.636	-
11. Chi phí khác	32	VI.7	1.486.585.137	1.497.303.152
12. Lợi nhuận khác	40		1.799.780.499	(1.497.303.152)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.721.567.184)	(12.019.832.875)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.721.567.184)	(12.019.832.875)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.753)	(1.431)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(14.721.567.184)	(12.019.832.875)
2. Điều chỉnh cho các khoản: (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.287.004.509)	(2.063.189)
Chi phí lãi vay	06	8.606.490.524	8.034.924.046
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	(9.402.081.169)	(3.986.972.018)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	20.998.489.107	3.106.387.115
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	112.670.632	3.313.952.835
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(8.786.599.788)	(710.119.859)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(7.745.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.922.478.782	1.715.502.320
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.615.000.000	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	640.873	2.063.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.615.640.873	2.063.189
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.556.568.045)	(2.087.875.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.556.568.045)	(1.387.875.322)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	981.551.610	329.690.187
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	522.942.319	193.252.132
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.504.493.929	522.942.319

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN;

- Lưu: VT, CBTT;



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dặng Văn Hiếu